

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày: 28/8/2023

V/v Tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Viết Tuấn
2. Bà Trương Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Hưng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023 về Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T (Gọi tắt là J); địa chỉ trụ sở: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Văn Q, sinh năm 1996; địa chỉ: A N, phường V, Thành phố H - Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 212/2023/UQ-LM-JIVF ngày 15/5/2023); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn B; sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/9/2017, ông Hoàng Văn B ký hợp đồng số 69070000000521000 với J vay số tiền 32.500.000 đồng để mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng với lãi suất 21,48%/năm, trên cơ sở 01 năm là 365 ngày (lãi suất tương đương 1,79%/tháng). Thời hạn vay: 20 tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông B

phải thanh toán cho J số tiền là 1.947.541 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 12/10/2017. Tuy nhiên, sau khi J giải ngân số tiền 32.500.000 đồng cho ông B thì từ ngày 12/10/2017 đến ngày 31/11/2017, ông B chỉ mới thanh toán cho J tổng số tiền là 1.948.000 đồng, trong đó nợ gốc là 1.521.384 đồng, lãi 426.616 đồng. Số tiền còn lại ông B lẩn tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, mặc dù J đã nhiều lần gọi điện thoại cũng như cho nhân viên đến nhà ông B yêu cầu thanh toán.

Vì vậy, J khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Văn B phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho J số tiền tính đến ngày 28/8/2023 là 39.685.144 đồng, trong đó nợ gốc là 30.978.616 đồng, nợ lãi là 7.633.863 đồng, lãi quá hạn là 1.072.665 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Hoàng Văn B gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập đến phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên ông B không trình bày ý kiến gì và vắng mặt, không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp và phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu ý kiến: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, 35, 97, 177, 195, 196, 203, 208, 220, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Hoàng Văn B phải trả cho J tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 28/8/2023 là 39.685.144 đồng, trong đó nợ gốc là 30.978.616 đồng, nợ lãi là 7.633.863 đồng, lãi quá hạn là 1.072.665 đồng. Bị đơn ông Hoàng Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông **Hoàng Văn B** gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng ông **B** vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự cần chấp nhận ý kiến của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, tiến hành xét xử vắng mặt ông **Hoàng Văn B**.

[3] Về nội dung vụ án: Hợp đồng tín dụng số 69070000000521000 ký ngày 20/9/2017 giữa J và ông **Hoàng Văn B** là hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện có hiệu lực giao dịch dân sự nói chung và Hợp đồng tín dụng nói riêng nên có hiệu lực bắt buộc đối với các bên tham gia giao dịch.

[4] Xét về khoản nợ gốc: Ông **Hoàng Văn B** đã nhận được số tiền vay là 32.500.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 69070000000521000 và chỉ trả được 1.521.384 đồng tiền gốc, vì vậy ông **B** phải có trách nhiệm trả số nợ gốc còn lại là 30.978.616 đồng cho J.

[5] Xét về khoản nợ lãi: Tại Hợp đồng tín dụng số 69070000000521000 ký ngày 20/9/2017, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất cho vay là 1,79%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi vay, bị đơn ông **Hoàng Văn B** chỉ trả được 01 kì lãi trong hạn với số tiền là 426.616 đồng và không trả thêm bất kì khoản lãi nào nữa cho nguyên đơn J. Tại bảng kê tiền lãi chi tiết, tiền lãi ông **B** phải trả được tính trên số tiền gốc 30.979.616 còn nợ, mức lãi suất 1,79%/tháng, thời điểm bắt đầu tính lãi là từ 13/11/2017 cho đến 29/11/2018 với số tiền lãi là 7.633.863 đồng. Đối với số tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 1.072.665 đồng cũng được nguyên đơn tính trên số gốc phải trả hàng tháng, thời điểm bắt đầu tính lãi quá hạn cũng từ 13/11/2017 cho đến 29/11/2018, mức lãi suất là 0,895%/tháng. Kể từ sau ngày 29/11/2018, J không tính thêm bất kì khoản lãi nào đối với số tiền mà bị đơn còn nợ, vì vậy số tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm vẫn không thay đổi. Xét khoản tiền lãi của nguyên đơn J đã yêu cầu là tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với hợp đồng tín dụng đã kí kết nên cần chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của J là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng nên cần chấp, buộc ông **Hoàng Văn B** phải trả cho J tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/8/2023 là 39.685.144 đồng, trong đó nợ gốc là 30.978.616 đồng, nợ lãi là 7.633.863 đồng, lãi quá hạn là 1.072.665 đồng.

Về án phí: Bị đơn ông **Hoàng Văn B** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số nợ phải trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cụ thể: 39.685.144 đồng x 5% = 1.984.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Gọi tắt là J).

Buộc ông Hoàng Văn B phải trả cho Công ty T (Gọi tắt là J) số tiền đã vay tính đến ngày 28/8/2023 là 39.685.144 đồng, trong đó nợ gốc là 30.978.616 đồng, nợ lãi là 7.633.863 đồng, lãi quá hạn là 1.072.665 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 69070000000521000 ký ngày 20/9/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Hoàng Văn B phải chịu 1.984.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T (Gọi tắt là J) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 992.000 đồng theo biên lai số CC/2021/0000364 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- Dương sự;
- THADS huyện Hải Lăng;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Bùi Diệu Lương